

CÔNG TY TNHH GIGA VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIGA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIGA VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GGV.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109882582

3. Ngày thành lập: 10/01/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

LK19A, X7 Đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 038.5407.699

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;	4329
2.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);	4659
3.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết : Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi ; Bán buôn xi măng ; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn sơn, vécni	4663
4.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
5.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh(Điều 28 Luật thương mại)	8299
7.	Lập trình máy vi tính	6201
8.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
9.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
10.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

11.	Cổng thông tin (Không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
12.	Quảng cáo	7310
13.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
14.	Cho thuê xe có động cơ	7710
15.	Bán buôn tổng hợp	4690(Chính)
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
17.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
18.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: - Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; - Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện;	1629
19.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
20.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
21.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
22.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
23.	Đúc sắt, thép	2431
24.	Đúc kim loại màu	2432
25.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
26.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
27.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
28.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
29.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
30.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
31.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn;	2599
32.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
33.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
34.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
35.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
36.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
37.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
38.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
39.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác Chi tiết: Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm;	2732
40.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
41.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
42.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750

43.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
44.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác Chi tiết: Sản xuất máy bơm thiết kế cho máy với động cơ đốt trong: bơm dầu, nước hoặc nhiên liệu cho động cơ mô tô;	2813
45.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
46.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
47.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
48.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
49.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
50.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
51.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
52.	Sản xuất máy luyện kim	2823
53.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
54.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
55.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
56.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng;	2829
57.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
58.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
59.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
60.	Xuất bản phần mềm	5820
61.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
62.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
63.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
64.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)	3240
65.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
66.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
67.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
68.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
69.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
70.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
71.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

72.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học;	3900
73.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
74.	Xây dựng công trình điện	4221
75.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM THỊ THANH HÀ	Việt Nam	Số nhà 17, Minh Tân 2, Thị Trấn Vũ Thư, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	500.000.000	50,000	034191006357	
2	CHU THỊ HẢI YẾN	Việt Nam	Xóm 3, Xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	500.000.000	50,000	040194017038	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THỊ THANH HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034191006357

Ngày cấp: 03/05/2019 Nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Số nhà 17, Minh Tân 2, Thị Trấn Vũ Thư, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P.2003-CT8A, KĐT M Dương Nội, Tổ dân phố 19, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội